

Số: 1354/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 14 tháng 6 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định Khung Chỉ số đánh giá kết quả cải cách hành chính áp dụng đối với Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011 của Chính phủ Ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2020;

Căn cứ Quyết định số 3026/QĐ-UBND ngày 07/12/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Kế hoạch Cải cách hành chính tỉnh Sơn La năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 834/QĐ-UBND ngày 10/4/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về Quy định trách nhiệm người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Sơn La trong thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 441/TTr-SNV ngày 03 tháng 6 năm 2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Khung Chỉ số đánh giá kết quả cải cách hành chính (sau đây viết tắt là Khung Chỉ số CCHC) áp dụng đối với Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là UBND cấp xã) trên địa bàn tỉnh (Có khung chỉ số đánh giá kết quả cải cách hành chính kèm theo).

Điều 2. Giao Giám đốc Sở Nội vụ hướng dẫn UBND cấp huyện xây dựng Kế hoạch và triển khai xác định Chỉ số CCHC cấp xã; xây dựng các mẫu Báo cáo kết quả xác định Chỉ số CCHC cấp xã đối với UBND cấp huyện.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành. /

Nơi nhận:

- Bộ Nội vụ (b/c);
- Thường trực tỉnh uỷ (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 4;
- Lãnh đạo VP và CVCK;
- Trung tâm công báo tỉnh;
- Lưu: VT, NC, Hiệp(60b).

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Quốc Khánh

QUY ĐỊNH

Khung Chỉ số đánh giá kết quả cải cách hành chính áp dụng đối với Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1377/QĐ-UBND ngày 14/6/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La)

Điều 1. Mục tiêu, yêu cầu; phạm vi và đối tượng áp dụng

1. Mục tiêu, yêu cầu

1.1. Mục tiêu

Căn cứ Khung Chỉ số CCHC cấp xã do UBND tỉnh ban hành, UBND cấp huyện xây dựng và ban hành Chỉ số CCHC áp dụng cho UBND cấp xã trực thuộc nhằm theo dõi, đánh giá một cách thực chất, khách quan, công bằng kết quả thực hiện công tác CCHC hàng năm của UBND cấp xã trong việc thực hiện Chương trình tổng thể CCHC của Chính phủ; Chương trình, Kế hoạch CCHC nhà nước của tỉnh.

1.2. Yêu cầu

Khung Chỉ số CCHC cấp xã phải đảm bảo tính đặc thù của cấp xã; căn cứ nguồn lực và nhiệm vụ trọng tâm về CCHC của địa phương theo yêu cầu của tỉnh.

2. Phạm vi và đối tượng áp dụng

2.1. Phạm vi: Áp dụng Khung Chỉ số CCHC cấp xã để UBND cấp huyện tiến hành theo dõi, đánh giá kết quả CCHC hàng năm của UBND cấp xã trực thuộc.

2.2. Đối tượng áp dụng: UBND các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Cấu trúc và nội dung khung chỉ số CCHC cấp xã

1. Cấu trúc

1.1. Cấu trúc tổng thể

- Chỉ số CCHC cấp xã được xác định trên 07 lĩnh vực, gồm các tiêu chí, tiêu chí thành phần.

- Các tiêu chí, tiêu chí thành phần có thể được đánh giá thông qua thẩm định điểm tự chấm hoặc thông qua Điều tra xã hội học. Trong đó, Điều tra xã hội học được khuyến khích thực hiện, không bắt buộc.

- Kết quả Chỉ số được xác định bằng tổng điểm thẩm định và điểm Điều tra xã hội học, quy về thang điểm 100, đơn vị tính là %.

- Trong trường hợp không tổ chức Điều tra xã hội học, kết quả thẩm định điểm tự chấm là kết quả chỉ số, được quy về đơn vị tính là %.

1.2. Tiêu chí, tiêu chí thành phần đánh giá thông qua thẩm định điểm tự chấm

- Căn cứ Khung Chỉ số CCHC cấp xã do UBND tỉnh ban hành, nhiệm vụ trọng tâm về CCHC của địa phương trong từng thời kỳ, UBND cấp huyện có thể bổ sung thêm các tiêu chí thành phần.

- Xác định điểm cho từng tiêu chí thành phần: Tổng điểm tối đa đối với điểm thẩm định cho 07 lĩnh vực là 70 điểm. Căn cứ điểm tối đa của các tiêu chí trong Khung Chỉ số CCHC cấp xã, UBND cấp huyện quy định điểm tối đa của từng tiêu chí thành phần (*bao gồm tiêu chí thành phần trong khung và tiêu chí thành phần bổ sung nếu có*), nhưng tổng điểm của các tiêu chí thành phần không vượt quá điểm tối đa của tiêu chí.

1.3. Tiêu chí, tiêu chí thành phần đánh giá thông qua Điều tra xã hội học

- Điểm Điều tra xã hội học được khuyến khích thực hiện. Tùy điều kiện, nguồn lực của địa phương, từng đơn vị xây dựng phương án, quy mô điều tra phù hợp. Trong trường hợp UBND cấp huyện tổ chức khảo sát Mức độ hài lòng của người dân tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của UBND cấp xã, kết quả khảo sát có thể được tích hợp vào kết quả chấm Chỉ số CCHC cấp xã.

- Tổng điểm Điều tra xã hội học cho cả 07 nội dung không vượt quá 30 điểm.

2. Nội dung: Chi tiết tại Phụ lục đính kèm.

Điều 3. Phương pháp đánh giá

1. Tự đánh giá và thẩm định điểm tự đánh giá

- UBND cấp xã tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ CCHC của đơn vị theo các tiêu chí, tiêu chí thành phần được quy định trong Chỉ số CCHC cấp xã và hướng dẫn do UBND cấp huyện ban hành.

- UBND cấp huyện thành lập Hội đồng thẩm định. Chủ tịch UBND cấp huyện là Chủ tịch Hội đồng; Trưởng phòng Nội vụ là Phó Chủ tịch Hội đồng; Trưởng các phòng, ban, đơn vị có liên quan là Thành viên Hội đồng; chuyên viên phòng Nội vụ phụ trách công tác CCHC là Thư ký Hội đồng. Điểm tự đánh giá của UBND cấp xã sẽ được Hội đồng thẩm định công nhận hoặc điều chỉnh (*nếu cần thiết*).

2. Đánh giá qua điều tra xã hội học

Đánh giá qua điều tra xã hội học do UBND cấp huyện tổ chức thực hiện. Điều tra xã hội học được tiến hành lấy ý kiến của các nhóm đối tượng khác nhau, gồm có: Đại biểu HĐND cấp xã; lãnh đạo phòng chuyên môn cấp huyện; công chức cấp xã; người dân (đã hoàn thành giao dịch thủ tục hành chính hoặc người dân trên địa bàn); trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nội vụ

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan hướng dẫn UBND cấp huyện xây dựng Kế hoạch và triển khai xác định Chỉ số CCHC cấp xã; xây dựng các mẫu Báo cáo kết quả xác định Chỉ số CCHC cấp xã đối với UBND cấp huyện.

- Theo dõi, đôn đốc UBND cấp huyện triển khai xác định Chỉ số CCHC cấp xã.
- Tổng hợp kết quả xác định Chỉ số CCHC cấp xã hàng năm, báo cáo UBND tỉnh.

2. Sở Tài chính

Hướng dẫn UBND cấp huyện quy định về tài chính trong việc xây dựng và lập dự toán kinh phí để thực hiện xác định Chỉ số CCHC cấp xã hàng năm.

3. Sở Thông tin và Truyền thông

Chủ trì phối hợp với Sở Nội vụ tổ chức tuyên truyền Chỉ số CCHC cấp xã; đề xuất giải pháp công nghệ, nghiên cứu, hướng dẫn UBND cấp huyện ứng dụng công nghệ thông tin trong triển khai xác định Chỉ số CCHC cấp xã.

5. UBND các huyện, thành phố

- Ban hành Chỉ số CCHC áp dụng đối với UBND cấp xã trực thuộc (*hoàn thành trước ngày 31/7/2019*).

- Xây dựng Kế hoạch triển khai xác định chỉ số CCHC cấp xã hàng năm và gửi UBND tỉnh (*qua Sở Nội vụ để tổng hợp*) trong quý I của năm đánh giá.

- Triển khai xác định Chỉ số CCHC đối với UBND cấp xã theo Kế hoạch. Số liệu được sử dụng để đánh giá tính từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 10 hàng năm.

- Báo cáo kết quả xác định Chỉ số CCHC áp dụng cho các xã, phường, thị trấn trực thuộc về UBND tỉnh (*qua Sở Nội vụ tổng hợp*) trước ngày 20 tháng 12 của năm đánh giá.

- Tổ chức hội nghị công bố kết quả xác định Chỉ số CCHC cấp xã hàng năm.

- Bố trí kinh phí triển khai xác định Chỉ số CCHC theo quy định.

Trong quá trình triển khai, thực hiện nếu có vướng mắc, các cơ quan, đơn vị phản ánh về Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (*qua Sở Nội vụ*) để tổng hợp xem xét, quyết định. /

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Quốc Khánh



PHỤ LỤC
KHUNG CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
ÁP DỤNG ĐỐI VỚI UBND CÁC XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1374/QĐ-UBND ngày 14/6/2019
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La)

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/ Tiêu chí thành phần	Điểm theo Khung chỉ số	Ghi chú
1	2	3	
I	ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CCHC	70	Thẩm định
1	CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH	14	
1.1	Xây dựng và thực hiện kế hoạch Cải cách hành chính năm	4	
1.1.1	Thời gian ban hành Kế hoạch (sau 10 ngày kể từ ngày có Kế hoạch CCHC của UBND cấp huyện)	1	
1.1.2	Xác định đầy đủ các nhiệm vụ CCHC trên các lĩnh vực, rõ trách nhiệm triển khai, thời gian, kết quả hoàn thành theo quy định	1	
1.1.3	Mức độ hoàn thành Kế hoạch CCHC	2	
1.2	Thực hiện báo cáo kết quả CCHC (02 báo cáo quý, báo cáo 6 tháng và báo cáo năm)	1	
1.3	Tuyên truyền công tác CCHC đến cán bộ-công chức và tổ chức, cá nhân	2	
1.3.1	Mức độ đa dạng hình thức tuyên truyền CCHC	1	
1.3.2	Mức độ thực hiện kế hoạch tuyên truyền CCHC	1	
1.4	Thực hiện các nhiệm vụ do UBND cấp huyện, Chủ tịch UBND cấp huyện giao	3	
1.4.1	Thực hiện các nhiệm vụ do UBND cấp huyện, Chủ tịch UBND cấp huyện giao	1.5	
1.4.2	Thực hiện các quy định pháp luật về quản lý nhà nước trên địa bàn xã, phường, thị trấn	1.5	
1.5	Sáng kiến và áp dụng hiệu quả sáng kiến trong thực hiện công tác Cải cách hành chính	1	
1.6	Tổ chức đối thoại với cá nhân, tổ chức	1	
1.7	Thực hiện tiếp nhận phản ánh, kiến nghị	2	
1.7.1	Thực hiện công khai các hình thức tiếp nhận phản ánh kiến nghị	1	
1.7.2	Xử lý, giải quyết phản ánh, kiến nghị theo quy định	1	
2	CẢI CÁCH THỂ CHẾ	9	
2.1	Theo dõi thi hành pháp luật	5	
2.1.1	Mức độ hoàn thành kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật	2	
2.1.2	Báo cáo và kiến nghị xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật	1	

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/ Tiêu chí thành phần	Điểm theo Khung chỉ số	Ghi chú
1	2	3	
2.1.3	Phát hiện và xử lý hoặc kiến nghị xử lý các vấn đề bất cập hoặc không còn phù hợp (nếu có) (thể hiện bằng văn bản kiến nghị hoặc chỉ đạo xử lý)	2	
2.2	Trách nhiệm rà soát văn bản QPPL do cấp trên ban hành	2	
2.3	Tổ chức thực hiện nghiêm túc văn bản QPPL do cơ quan có thẩm quyền ban hành ở địa phương	2	
3	CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH VÀ THỰC HIỆN CƠ CHẾ MỘT CỬA, MỘT CỬA LIÊN THÔNG	12	
3.1	Cải cách thủ tục hành chính	7	
3.1.1	Rà soát, đánh giá, cập nhật thủ tục hành chính, xử lý các vấn đề phát hiện qua rà soát	1	
3.1.2	Cập nhật kịp thời, công khai đầy đủ TTHC tại Bộ phận một cửa	2	
3.1.3	Tỷ lệ giải quyết hồ sơ hành chính đạt tỷ lệ trước hẹn và đúng hẹn	2	
3.1.4	Thực hiện quy định về thư xin lỗi trong trường hợp giải quyết thủ tục hành chính trễ hạn	1	
3.1.5	Báo cáo kiểm soát TTHC theo định kỳ	1	
3.2	TTHC giải quyết theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông	5	
3.2.1	Tỷ lệ TTHC thực hiện theo cơ chế một cửa	2	
3.2.2	Ban hành và thực hiện Quy chế tổ chức và hoạt động của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	1	
3.2.3	Tổ chức thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông theo đúng quy định	2	
4	CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY	8	
4.1	Thực hiện đúng các quy định của Chính phủ, của các Bộ, ngành Trung ương và UBND tỉnh về tổ chức bộ máy của chính quyền cấp xã	2	
4.2	Xây dựng, ban hành và thực hiện quy chế làm việc của UBND cấp xã theo quy định	2	
4.3	Thực hiện nghiêm các quy định về phân cấp do cấp có thẩm quyền ban hành	1	
4.4	Ban hành đầy đủ và thực hiện Kế hoạch công tác năm, hàng tháng theo chức năng, nhiệm vụ	2	
4.5	Phân công nhiệm vụ cụ thể cho Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các ủy viên UBND cấp xã, công chức và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã theo quy định	1	
5	XÂY DỰNG VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC	8	
5.1	Đảm bảo quản lý, sử dụng biên chế, cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách đúng theo quy định	5	
5.1.1	Thực hiện bố trí CBCC và người hoạt động không chuyên trách theo đúng quy định về tiêu chuẩn chức danh	2	
5.1.2	Thực hiện quy định về đánh giá phân loại CBCC trong cơ quan, đơn vị	1	



STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/ Tiêu chí thành phần	Điểm theo Khung chỉ số	Ghi chú
1	2	3	
5.1.3	Mức độ hoàn thành chỉ tiêu tinh giản biên chế trong năm theo lộ trình đã được phê duyệt	1	
5.1.4	Báo cáo thực hiện quản lý CBCC hàng năm đúng hạn và đầy đủ nội dung quy định	1	
5.2	Về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách	2	
5.2.1	Xây dựng Kế hoạch Đào tạo bồi dưỡng hàng năm kịp thời, đảm bảo chất lượng	1	
5.2.2	Cử cán bộ, công chức tham gia đầy đủ các lớp đào tạo, bồi dưỡng theo Văn bản triệu tập của cơ quan cấp trên	1	
5.3	Không có CBCC, người hoạt động không chuyên trách thuộc thẩm quyền quản lý bị vi phạm phải xử lý kỷ luật trong năm	1	
6	CẢI CÁCH CƠ CHẾ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH CÔNG	10	
6.1	Thực hiện Quy chế dân chủ; Quy chế chi tiêu nội bộ; Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công	4	
6.1.1	Xây dựng Quy chế dân chủ; Quy chế chi tiêu nội bộ; Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công	2	
6.1.2	Công khai kết quả thực hiện Quy chế dân chủ; Quy chế chi tiêu nội bộ; Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công	1	
6.1.3	Quản lý tài chính, tài sản đúng quy định, bảo đảm đơn vị hoạt động hiệu quả	1	
6.2	Ban hành và thực hiện Chương trình, Kế hoạch phòng chống tham nhũng; Chương trình, Kế hoạch thực hành tiết kiệm, chống lãng phí	2	
6.3	Thực hiện việc phân phối thu nhập tiết kiệm, hiệu quả, chống lãng phí theo quy định	2	
6.4	Lập dự toán, chấp hành dự toán và quyết toán ngân sách	2	
6.4.1	Xây dựng và báo cáo dự toán, chấp hành, quyết toán ngân sách	1	
6.4.2	Thực hiện công khai dự toán ngân sách được cấp có thẩm quyền giao, quyết toán ngân sách được cấp có thẩm quyền phê duyệt và gửi báo cáo theo quy định	1	
7	HIỆN ĐẠI HOÁ QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH	9	
7.1	Về ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý điều hành	6	
7.1.1	Ban hành và triển khai thực hiện kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin của đơn vị	1	
7.1.2	Ứng dụng phần mềm quản lý văn bản, sử dụng hộp thư điện tử để trao đổi công việc	2	
7.1.3	Có sử dụng chữ ký số, chứng thư số trong phát hành văn bản	2	
7.1.4	Tổng số cán bộ, công chức đã được cấp Hộp thư điện tử công vụ đầy đủ và có sử dụng thường xuyên	1	
7.2	Áp dụng và duy trì hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO trong hoạt động quản lý hành chính	2	

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/ Tiêu chí thành phần	Điểm theo Khung chỉ số	Ghi chú
I	2	3	
7.2.1	100% số thủ tục hành chính được xây dựng và áp dụng quy trình ISO	2	
7.2.2	Công bố kịp thời, vận hành nghiêm túc quy trình đã công bố	1	
7.2.3	Duy trì, cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO vào hoạt động quản lý tại UBND xã, phường, thị trấn	1	
II	ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH - ĐIỀU TRA KHẢO SÁT XÃ HỘI HỌC	30	Khảo sát XHH
1	CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CCHC	7	
1.1	Tác động của tuyên truyền đối với việc nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức, tổ chức và cá nhân	1	
1.2	Chất lượng, tính kịp thời của các văn bản chỉ đạo, điều hành CCHC của UBND cấp xã.	1	
1.3	Hoạt động hiệu quả của Ban Thanh tra nhân dân	1	
1.4	Trách nhiệm giải trình, tiếp công dân của lãnh đạo UBND xã đối với người dân	1	
1.5	Kết quả thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở tại cơ quan, đơn vị	1	
1.6	Kết quả thực hiện công tác tiếp nhận và giải quyết đơn thư kiến nghị, khiếu nại tố cáo của đơn vị	1	
1.7	Đánh giá của đại biểu HĐND, MTTQVN về chất lượng quản lý điều hành, việc giải quyết các ý kiến của cử tri...	1	
2	CẢI CÁCH THỂ CHẾ	2	
2.1	Tính minh bạch tiếp cận các văn bản quản lý chỉ đạo điều hành, quy hoạch, kế hoạch... do đơn vị ban hành hoặc tham mưu cấp có thẩm quyền ban hành	1	
2.2	Công khai đầy đủ thông tin các văn bản quản lý chỉ đạo điều hành, quy hoạch, kế hoạch... do đơn vị ban hành hoặc tham mưu cấp có thẩm quyền ban hành	1	
3	CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	8	
3.1.	Niềm yết công khai, minh bạch, sự thuận tiện trong việc tìm hiểu thông tin về TTHC	1	
3.2	Đánh giá sự hài lòng của tổ chức, cá nhân về tinh thần trách nhiệm, chấp hành nội quy và sự tận tình trong công việc của cán bộ công chức tại đơn vị	1	
3.3	Số lần tổ chức, cá nhân phải đi lại trong quá trình giải quyết TTHC tại đơn vị	1	
3.4	Việc tổ chức, cá nhân phải trả chi phí ngoài quy định khi giải quyết TTHC tại đơn vị	1	
3.5	Thực hiện Quy tắc ứng xử của toàn thể CBCC và người hoạt động không chuyên trách tại cơ quan, đơn vị	1	
3.6	Thời gian giải quyết hồ sơ đúng và trước hẹn	1	
3.7	Hồ sơ trễ hẹn có văn bản xin lỗi tổ chức, cá nhân	1	

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/ Tiêu chí thành phần	Điểm theo Khung chỉ số	Ghi chú
1	2	3	
3.8	Tỉ lệ hài lòng của tổ chức, cá nhân đối với dịch vụ hành chính công của đơn vị	1	
4	CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY	2	
4.1	Việc thực hiện quy chế làm việc của UBND cấp xã	1	
4.2	Kết quả thực hiện chức năng, nhiệm vụ của đơn vị	1	
5	XÂY DỰNG VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ CBCC VÀ NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH TRONG ĐƠN VỊ	5	
5.1	Triển khai đầy đủ, kịp thời các nội dung quy định của về quản lý CBCC và người hoạt động không chuyên trách trong đơn vị	1	
5.2	Thực hiện chế độ, chính sách đối với CBCC và người hoạt động không chuyên trách của đơn vị đúng, đầy đủ, kịp thời	1	
5.3	Năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ CBCC và người hoạt động không chuyên trách	1	
5.4	Tinh thần trách nhiệm đối với công việc của CBCC và người hoạt động không chuyên trách	1	
5.5	Không có tình trạng lợi dụng chức vụ, quyền hạn để trục lợi cá nhân của CBCC và người hoạt động không chuyên trách	1	
6	CẢI CÁCH CƠ CHẾ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH CÔNG	2	
6.1	Đánh giá về tác động của việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí ngân sách nhà nước trong hoạt động của cơ quan, đơn vị	1	
6.2	Tính hiệu quả của việc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính	1	
7	HIỆN ĐẠI HOÁ QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH	4	
7.1	Đánh giá về sự chuyển biến trong chỉ đạo điều hành khi áp dụng hệ thống quản lý chất lượng	1	
7.2	Trang thiết bị CNTT được trang bị và hoạt động hiệu quả	1	
7.3	Trình độ thông thạo CNTT của đội ngũ	1	
7.4	Chất lượng cung cấp thông tin của UBND cấp xã trên Bảng tin và các phương tiện khác	1	
	Tổng cộng	100	

Chú ý:

- Tổng điểm thẩm định là 70 điểm, chia cho 5 lĩnh vực. UBND cấp huyện có thể bổ sung các Tiêu chí thành phần trong các Tiêu chí, phân bổ điểm cho các Tiêu chí thành phần, tuy nhiên đảm bảo tổng điểm các Tiêu chí thành phần không vượt quá điểm tối đa của Tiêu chí.
- Trong trường hợp tổ chức Điều tra xã hội học (ĐT XHH), điểm ĐT XHH không vượt quá 30 điểm.
- Kết quả xác định chỉ số được quy về theo thang điểm 100, đơn vị là %.